



ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 58 /2024/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 30 tháng 10 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc quy định mức nộp tiền để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024.

Căn cứ Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định mức nộp tiền để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa khi chuyển từ đất chuyên trồng lúa sang mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

**2. Đối tượng áp dụng**

Cơ quan nhà nước, người sử dụng đất trồng lúa và các đối tượng khác có liên quan đến việc quản lý sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, trừ các công trình, dự án sử dụng vốn đầu tư công hoặc vốn nhà nước ngoài đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công, pháp luật về xây dựng.

**Điều 2. Mức nộp tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa**

**1. Mức nộp tiền:**

Mức nộp tiền = 60% x Diện tích x Giá của loại đất trồng lúa

*Trong đó:*

(1) Diện tích là phần diện tích đất chuyên trồng lúa phải chuyển sang mục đích phi nông nghiệp ghi cụ thể trong quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

(2) Giá của loại đất trồng lúa được tính theo Bảng giá đất tại thời điểm chuyển mục đích sử dụng đất.

2. Số thu tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa được hạch toán vào thu ngân sách cấp tỉnh. Trình tự, thủ tục nộp tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa (kể cả tiền chậm nộp và thời gian tính tiền chậm nộp) thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

### **Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

#### **1. Sở Tài chính**

a) Hàng năm, chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường, căn cứ kế hoạch chuyển đất chuyên trồng lúa sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh, dự kiến nguồn thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Xác định số tiền phải nộp theo quy định đối với diện tích đất chuyên trồng lúa phải nộp được Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xác nhận và thông báo cho người được nhà nước giao đất, cho thuê đất theo quy định;

#### **2. Sở Tài nguyên và Môi trường**

a) Phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn việc kê khai, kiểm tra việc thu nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trước khi tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa theo thẩm quyền; chia sẻ thông tin, cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất nông nghiệp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

b) Hàng năm, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tài nguyên và Môi trường về tình hình quản lý và sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh.

#### **3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố**

a) Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường xác nhận diện tích đất chuyên trồng lúa phải nộp tiền bảo vệ phát triển đất trồng lúa gửi đến người được nhà nước giao đất, cho thuê đất, đồng thời gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thành phố làm căn cứ để xác định số tiền phải nộp;

b) Chỉ đạo phòng Tài chính - Kế hoạch xác định số tiền phải nộp theo quy định đối với diện tích đất chuyên trồng lúa phải nộp được phòng Tài nguyên và Môi trường xác nhận và thông báo cho người được nhà nước giao đất, cho thuê đất theo quy định;

c) Chỉ đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch theo dõi số tiền nộp sau khi người được nhà nước giao đất, cho thuê đất đã nộp tiền sử dụng, bảo vệ phát triển đất trồng lúa theo đúng quy định;

d) Hàng năm, trên cơ sở diện tích đất lúa, kế hoạch sử dụng đất xây dựng dự toán số thu từ nộp tiền để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa khi chuyển từ đất chuyên trồng lúa sang mục đích phi nông nghiệp gửi Sở Tài chính tổng hợp.

#### **Điều 4. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ~~30~~ tháng ~~10~~ năm 2024.

2. Các Quyết định sau đây hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 26/2016/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Quy định thu nộp, quản lý sử dụng kinh phí để bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển mục đích từ đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

b) Quyết định số 07/2024/QĐ-UBND ngày 16 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng sửa đổi, bổ sung Điều 4 của quy định thu nộp, quản lý sử dụng kinh phí để bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển mục đích từ đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ban hành kèm Quyết định số 26/2016/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.

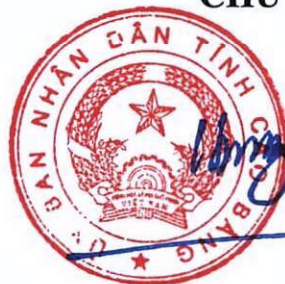
3. Trường hợp các văn bản viện dẫn trong Quyết định này được thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo văn bản được thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung đó.

4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Cao Bằng; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

#### **Nơi nhận:**

- Như điều 4;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, PCT, các Ủy viên UBND tỉnh;
- VP: Các PCVP;
- Trung tâm Thông tin – VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Hoàng Xuân Ánh**